



SP INNO 8888

DẦU ĐỘNG CƠ DIESEL 4 KỶ TẢI TRỌNG NẶNG

MÔ TẢ

SP INNO 8888 là dầu động cơ diesel cao cấp tải trọng nặng được sản xuất từ dầu gốc chất lượng tuyệt hảo, kết hợp với phụ gia tính năng có độ ổn định trượt cắt cao cung cấp sự bảo vệ tối đa và tăng cường khả năng vận hành của động cơ. **SP INNO 8888** cung cấp sự bảo vệ tốt nhất ngay từ khi khởi động cho đến giai đoạn hoạt động liên tục với cường độ cao.

TIÊU CHUẨN

SP INNO 8888 đạt và vượt các tiêu chuẩn:

- ✓ API CI-4/CH-4/CG-4/CF-4/CF/SL
- ✓ ACEA E7-16
- ✓ MB-Approval 228.3
- ✓ Volvo VDS-3
- ✓ Renault Truck RLD-2
- ✓ Mack EO-N/N Plus
- ✓ MAN M 3275
- ✓ CUMMINS CES 20076/77/78
- ✓ CAT ECF-2/1-a
- ✓ MTU Type 2
- ✓ Deutz DQC III-10
- ✓ Detroit Diesel DDC 93K215
- ✓ Global DHD-1

LỢI ÍCH

- ✓ Duy trì độ nhớt tối ưu giúp bảo vệ động cơ liên tục .
- ✓ Kiểm soát hàm lượng axit giúp chống ăn mòn.
- ✓ Công thức kiểm soát cặn bám giúp động cơ luôn sạch và duy trì hiệu năng ổn định.
- ✓ Hàm lượng tro thấp, tương hợp với chất xúc tác của bộ trung hòa khí xả nhằm giảm lượng khí xả độc hại ra môi trường.

ỨNG DỤNG

SP INNO 8888 được khuyến dùng cho:

Xe tải: phù hợp với hầu hết các động cơ xe tải hạng nặng chạy trên mọi địa hình kể cả động cơ có hoặc không có turbo tăng áp, động cơ siêu trường siêu trọng, trang bị hoặc không trang bị bộ lọc xúc tác EGR, CGI ...

Technical Data

Ghe tàu: phù hợp cho các động cơ diesel tàu thủy tốc độ cao như Cummins, Yanma, Mitsubishi, Hino, Komatsu ... chuyên đánh bắt thủy sản xa bờ, sử dụng dầu diesel hàm lượng lưu huỳnh thấp (dưới 0.25%).

Xe cơ giới/xe công trình: sử dụng cho hầu hết các xe cơ giới/xe công trình như Carterpillar, Cummins, Detroit Diesel, MTU, Komatsu ... hoạt động liên tục với cường độ cao.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Chỉ tiêu	Phương pháp	15W-40	20W-50
Độ nhớt động học @ 1000°C	ASTM D445	12.5 -16.2	16.3-21.8
Chỉ số độ nhớt	ASTM D2270	Min 120	Min 110
Điểm chớp cháy, °C	ASTM D92	Min 220	Min 230
Điểm rót chảy, °C	ASTM D97	Max -15	Max -9
Hàm lượng nước	ASTM D95	Max 0.05	Max 0.05
Cặn cơ học (Cặn Pentane)	ASTM D4055	Max 0.1	Max 0.1
Độ tạo bọt (Seq II) ở 93.5°C, ml/ml	ASTM D892	10/0	10/0
Hàm lượng kim loại	ASTM D4628	Min 0.3	Min 0.3
Ăn mòn tấm đồng	ASTM D130	1a	1a
Trị số kiềm tổng (TBN), mgKOH/g	ASTM D2896	Min 9.0	Min 9.0
Ngoại quan	Visual	Sáng & rõ	Sáng & rõ

* Thông số sản phẩm trên đây là tiêu biểu và có thể thay đổi trong giới hạn cho phép khi sản xuất.

ĐÓNG GÓI

Phuy 200 lít, Can/Xô 18 lít, IBC 1000 lít.

LƯU TRỮ

- Nhiệt độ lưu trữ: Dưới 60°C. Tránh ánh nắng trực tiếp.
- Tránh xa các nguồn nhiệt và các nguồn dễ kích nổ, tránh nhiễm nước, không trộn lẫn với các loại dầu khác.

MÔI TRƯỜNG, SỨC KHỎE & AN TOÀN

- **SP INNO 8888** không gây bất kỳ nguy hại đáng kể nào cho sức khỏe khi sử dụng đúng theo hướng dẫn và tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh cá nhân và công nghiệp.
- Tránh tiếp xúc thường xuyên với dầu đã qua sử dụng. Thái bỏ dầu đã qua sử dụng đúng nơi quy định để bảo vệ môi trường.

Tham khảo Bảng hướng dẫn an toàn vật liệu (MSDS) kèm theo sản phẩm tại địa chỉ website <http://www.apsaigonpetro.com>

HỖ TRỢ KỸ THUẬT

- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập địa chỉ <http://www.apsaigonpetro.com>
- Vui lòng tham vấn đội hỗ trợ kỹ thuật APSP đối với các yêu cầu kỹ thuật không được đề cập trong tài liệu này tại hotline: **1900 0104**